

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.014605	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Công dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Điều 14 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	CẤP TỈNH							
1	3.000198	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; - Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện	Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp ¹	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (một phần)	Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Miễn phí	Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế	- 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; - 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

¹ Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân không thuộc Bộ Nông nghiệp và môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử (một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.	Không	Điều 5 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trườn	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính